TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯM'GAR** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12** /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28/5/2018.
"V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Quốc Bảo**.

Hội thẩm nhân dân: 1/ **Bà Nguyễn Thị Hoài Bão**; 2/ **Ông Nguyễn Văn Mạnh**.

- **Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quỳnh**; chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'gar.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar** tham gia phiên toà: **Ông Trần Quốc Thắng**; chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28/5/2018 tại Tòa án nhân dân huyện CưM'gar xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 244/2017/HNGĐ-ST ngày 03/10/2017 về việc: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXX-ST ngày 19/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1963 - Có mặt.

Địa chỉ: 53 Lê Đại H, thị trấn Quảng P, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Trần Ngọc C, sinh năm 1972 - Vắng mặt.

Địa chỉ: 20 Lê Đại H, thị trấn Quảng P, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình điều tra thu thập chứng cứ nguyên đơn trình bày**: Bà với ông Trần Ngọc C chung sống với nhau từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, bà với ông C phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông C không có trách nhiệm với gia đình, không chịu khó làm ăn và thường xuyên chửi, xúc phạm đến bà cùng các con chung. Mâu thuẫn ngày một trầm trọng nên đã sống ly thân từ tháng 6/2016 đến nay. Nay, tình cảm không còn, đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông Trần Ngọc C.

Bà với ông C có 02 con chung, cháu Trần Ngọc T, sinh ngày 30/7/2002 và cháu Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 07/01/2004, các con chung phát triển bình thường và bà

đang trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc các con chung. Nguyện vọng, bà trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, không đề nghị giải quyết.

*** Được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Trần Ngọc C lẩn tránh, không hợp tác, cho nên Tòa án không tiến hành ghi nhận được ý kiến của ông C về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.**

Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Đối với Thẩm phán: Về cơ bản đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, HĐXX thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị D và ông Trần Ngọc C là vợ chồng; Giao cháu Trần Ngọc T, sinh ngày 30/7/2002 và cháu Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 07/01/2004 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng và ông C không phải cấp dưỡng nuôi các con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Bị đơn ông Trần Ngọc C được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng lẩn tránh, không hợp tác. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, giải quyết về nuôi dưỡng con chung là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D với ông Trần Ngọc C chung sống với nhau, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, không được pháp luật công nhận. Mâu thuẫn giữa bà D với ông Trần Ngọc C trầm trọng và thực tế đã sống ly thân từ tháng 6/2016 đến nay, bà D đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nuôi dưỡng con chung: Bà D với ông Trần Ngọc C có 02 con, các con chung phát triển bình thường. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy, yêu cầu của bà D phù hợp với thực tế vì bà đang trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Trần Ngọc T, Trần Thị Ngọc T và đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các con chung. Hơn nữa, nguyện vọng của các con

chung phù hợp với yêu cầu của bà D, do vậy cần chấp nhận giao cháu Trần Ngọc T, sinh ngày 30/7/2002 và cháu Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 07/01/2004 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà D không yêu cầu ông Trần Ngọc C phải cấp dưỡng nuôi các con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy, đây là sự tự nguyện và không vi phạm pháp luật nên chấp nhận và ông Trần Ngọc C không phải cấp dưỡng nuôi các con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị D chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 7 Điều 28; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị D và ông Trần Ngọc C.

Về nuôi dưỡng con chung: Giao cháu Trần Ngọc T, sinh ngày 30/7/2002 và cháu Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 07/01/2004 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng và ông Trần Ngọc C không phải cấp dưỡng nuôi cháu T, cháu Trần Thị Ngọc T cho đến khi cháu T, cháu Trần Thị Ngọc T đủ 18 tuổi.

Ông Trần Ngọc C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000đ nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0042622 ngày 20/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM’gar.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện CưM’gar;*
- *Chi cục THADS huyện CưM’gar;*

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

- Đương sự;
- . . . . . ;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Quốc Bảo